

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-ST

Ngày: 17/7/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT, TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Phẩm**

2. Ông **Nguyễn Đình Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thanh Thủy**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện MT không tham gia phiên tòa.*

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MT xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST – DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT.

Trụ sở: Số 266 – 268, NKKN, quận B, TP. HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng giám đốc. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà D:

- Ông **Cao Hồng S** – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP SGTT– Chi nhánh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền số: 3925/2017/GUQ-PL ngày 14/12/201. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 35B, đường B/H, phường M, Tp VL, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S:

- Ông **Trần P**– Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn chi nhánh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền số: 848/2018/UQ-CNVL ngày 28/11/2018) (Có mặt)

Địa chỉ: Số 35B, đường B/H, phường M, Tp VL, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông **Phùng Trung K**, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm M, TT CN, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG chi nhánh Vĩnh Long trình bày:

- Ngày 29/7/2015, ông Phùng Trung K có ký hợp đồng tín dụng số LD1521000432 với Ngân hàng TMCP SGTT– Chi nhánh Vĩnh Long (gọi tắt là Ngân hàng S) vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 0,65%/tháng để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 48 tháng. Phương thức trả nợ gốc và lãi trả hàng tháng theo phương thức góp đều. Không thế chấp tài sản.

Thực hiện hợp đồng ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc và lãi số tiền 65.632.569đ (trong đó nợ gốc 54.606.000đ và nợ lãi 11.026.569đ). Từ ngày 30/5/2017 cho đến nay thì ngưng không tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, tuy chưa hết hạn của hợp đồng nhưng ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phùng Trung K trả các khoản nợ sau:

Tiền vay theo HĐTD số 1521000432 ký ngày 29/7/2015 gồm:

Nợ gốc: 25.394.000đ

Nợ lãi trong hạn: 14.560.000đ

Nợ lãi quá hạn: 3.735.330đ

Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi trong hạn, quá hạn của HĐTD trên là: 43.689.330đ. Tính đến ngày 17/7/2019

- Ngày 19/8/2015 ông K có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng tín chấp Motor Car với Ngân hàng số tiền hạn mức là 10.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi mở thẻ từ ngày 31/8/2015 ông K đã sử dụng thẻ rút vốn, nộp tiền vốn vào thẻ và trả lãi liên tục, đến ngày 30/4/2017 ông K còn nợ 6.713.827đ thì ngưng không tiếp tục trả tiền vốn và lãi cho Ngân hàng. Do ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng (theo Điều 2 điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 30/9/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ sang dư nợ quá hạn (lãi suất quá hạn 3,75%/tháng) theo Điều 23 của điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 17/7/2019 ông Phùng Trung K còn nợ qua thẻ tín dụng tín chấp Motor Car gồm:

Nợ gốc: 6.713.827đ,

Nợ lãi: 5.748.520đ

Tổng số tiền nợ gốc và lãi qua thẻ tín dụng tín chấp Motor Cart là 12.462.347đ.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Phùng Trung K phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ của hai hợp đồng là 56.151.677đ.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết công khai, thông báo các văn bản tố tụng cho phía bị đơn Phùng Trung K hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông K vẫn vắng mặt không rõ lý do, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt ông K là có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần P đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng yêu cầu ông Phùng Trung K trả cho Ngân hàng TMCP SGTT các khoản: Tiền nợ và lãi của hai hợp đồng là 56.151.677đ (trong đó nợ gốc là 32.107.827 đ, nợ lãi là 24.043.850đ) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi ông K trả dứt nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT không tham dự phiên Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Phùng Trung K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Phùng Trung K theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ngày 29/7/2015, ông Phùng Trung K có ký hợp đồng tín dụng số 1521000432 với Ngân hàng TMCP SGT chi nhánh Vĩnh Long vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 0.65%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận, ông Phùng Trung K có trách nhiệm thanh toán số tiền cả gốc và lãi, trả chậm trong 48 tháng, 47 tháng đầu mỗi tháng trả 1.666.000 đồng, trả vào ngày 30 hàng tháng. Bắt đầu trả từ ngày 30/8/2015.

Thực hiện hợp đồng, ông Phùng Trung K đã nhận đủ tiền và đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền gốc và lãi 65.632.569đ (trong đó nợ gốc là 54.606.000đ, nợ lãi là 11.026.569đ). Tính đến ngày 17/7/2019 ông Phùng Trung K còn nợ lại tiền gốc là 25.394.000đ, tiền lãi trong hạn 14.560.000đ, lãi quá hạn 3.735.330đ. Ngày 19/8/2015 Ngân hàng TMCP SGT – Chi nhánh Vĩnh Long cấp thẻ tín dụng tín chấp quốc tế Motor Card, hạn mức 10.000.000đ, tính đến ngày 01/5/2019 ông Phùng Trung K còn nợ thẻ tín dụng 12.462.347đ (trong đó tiền gốc 6.713.827đ, tiền lãi 5.748.520đ). Nay Ngân hàng yêu cầu ông Phùng Trung K có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng các khoản tiền gốc và lãi vay của HĐTD số LD152000432 và tiền vay qua thẻ tín dụng tín chấp Motor Card, tổng số tiền gốc và lãi là 56.151.677đ, tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi ông K trả dứt nợ là có căn cứ chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Đến nay ông Phùng Trung K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng tín chấp, nên buộc ông Phùng Trung K phải trả tổng số tiền nợ gốc và lãi là 56.151.677 đồng cho Ngân hàng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ.

[3] Về án phí: Ông Phùng Trung K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật đối với số tiền buộc phải trả cho Ngân hàng TMCP Thương Tín chi nhánh Vĩnh Long, án phí: 56.151.677 đồng x 5% = 2.807.580 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT- chi nhánh Vĩnh Long (S).

- Buộc ông Phùng Trung K trả cho Ngân hàng TMCP SGTT- chi nhánh Vĩnh Long số tiền vốn gốc 32.107.827 đồng (Ba mươi hai triệu một trăm lẻ bảy ngàn tám trăm hai mươi bảy đồng), tiền lãi 24.043.850 đồng (Hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm năm mươi đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Buộc ông Phùng Trung K phải chịu 2.807.580 đồng (Hai triệu tám trăm lẻ bảy ngàn năm trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP SGTT chi nhánh Vĩnh Long (S) số tiền tạm ứng án phí 1.188.000 đồng (Một triệu một trăm tám mươi tám ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006729 ngày 27/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân huyện MT.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND huyện MT: 01
- Chi cục THADS HMT: 01
- Đường sự: 02
- Lưu: 04

Huỳnh Thị Linh

